

Bắc Giang, ngày 10 tháng 7 năm 2024

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

1. Thông tin chung về học phần

- Mã học phần: LLC 2013
- Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: không
- Các học phần song hành: không
- Các yêu cầu với học phần (nếu có):
 - + Sĩ số tối đa lớp học: \leq 40 sinh viên
 - + Thiết bị dạy học: Máy tính, phòng chiếu, máy chiếu, bảng, phấn...
 - Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần: Khoa Lý luận chính trị - Khoa học cơ bản
 - Số tiết quy định đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 38 tiết
 - + Thảo luận: 15 tiết
 - + Làm bài tập: 0 tiết
 - + Thực hành, thí nghiệm: 0 tiết
 - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
 - + Tự học: 106 giờ
 - + Tự học có hướng dẫn: 0 giờ
 - + Bài tập lớn (tiểu luận): 0 giờ

2. Thông tin chung về các giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	Ths. Đinh Thị Thanh Hà	0986519882	hadtt@bafu.edu.vn	
2	Ths. Đinh Thị Loan	0983083113	loandinhhkh@gmail.com	
3	Ths. Trần Thị Hương	0974647899	tranhuongbg@gmail.com	
4	Ths. Ngô Văn Dũng	0383145388	vandungcdnl@gmai.com	

3. Mục tiêu của học phần

- Yêu cầu về kiến thức:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống về Triết học Mác – Lênin. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.

- Yêu cầu về kỹ năng:

Biết sử dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn học chuyên ngành, nắm vững, sử dụng các nguyên lý, quy luật triết học trong việc đề ra chủ trương đường lối, nguyên tắc phương pháp luận của triết học để nhận thức, xem xét, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách khách quan, toàn diện, tích cực.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp:

Có ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, với người khác, với xã hội và đối với công việc. Có thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phương pháp khoa học, có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, trung thực và linh hoạt trong công việc. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

Ghi chú: Mục tiêu của học phần được thể hiện tại Phụ lục 2

4. Chuẩn đầu ra của học phần (LO – Learning Out comes)

STT	Mã CDR (LO)	Mô tả CDR học phần
1	LO.1	Chuẩn đầu ra về kiến thức
	LO.1.1	Khái quát một cách hệ thống những tri thức cơ bản, cốt lõi và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.
	LO.1.2	Làm rõ được vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, giải thích được các sự vật hiện tượng diễn ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy con người luôn tuân theo những quy luật nhất định.
	LO.1.3	Làm rõ được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.
2	LO.2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng
	LO.2.1	Xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn học chuyên ngành
	LO.2.2	Sử dụng được những kiến thức lý luận của môn học để hình thành phương pháp luận cho nhận thức vào hoạt động thực tiễn, xem xét, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách khách quan, toàn diện, tích cực.
	LO.2.3	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, chủ động giải quyết các vấn đề trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ
3	LO.3	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp
	LO.3.1	Xây dựng ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, với người khác, với xã hội và đối với công việc.
	LO.3.2	Có thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phương pháp khoa học, có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, trung thực và linh hoạt trong công việc
	LO.3.3	Nâng cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc.

Ghi chú: Mã hóa chuẩn đầu ra học phần, đánh giá mức độ tương thích của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra CTĐT được thể hiện tại Phụ lục 1

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần 03 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Xác lập cơ sở lý luận để có thể tiếp cận nội dung các học phần chính trị. Từng bước thiết lập thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành đào tạo. Cụ thể các vấn đề như: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống

(Nhiệm vụ của người học được thể hiện tại Phụ lục 3)

8.2. **Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có):** Không

8.3. **Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có):** Không

8.4. **Phần khác :** Không

9. Phương pháp giảng dạy

- Phân lý thuyết : Thuyết trình, phát vấn, giải thích, làm việc nhóm, tự học.
- Phần thảo luận : Thuyết trình, giải thích, làm việc nhóm, thảo luận, phát vấn.

(Phương pháp giảng dạy được thể hiện tại Phụ lục 3)

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập

10.1. **Các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần**

- Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận và Vấn đáp
- Hình thức kiểm tra, đánh giá:
 - + Điểm chuyên cần: được đánh giá căn cứ vào ý thức, thái độ học tập và thời gian tham gia học trên lớp của sinh viên
 - + Kiểm tra thường xuyên : Tự luận
 - + Thi giữa học phần: Tự luận
 - + Thi kết thúc học phần: Vấn đáp

(Phương pháp kiểm tra đánh giá được thể hiện tại Phụ lục 4)

10.2. **Thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số**

- + Thang điểm đánh giá: Thang điểm 10
- + Trọng số đánh giá kết quả học tập

Bảng 1: Trọng số đánh giá kết quả học tập

Điểm thành phần	Điểm quá trình			Điểm thi kết thúc HP
	Điểm chuyên cần	03 bài kiểm tra thường xuyên	Bài thi giữa học phần	Bài thi kết thúc học phần (Thi vấn đáp + tự luận)
Trọng số	10%	20%	20%	50%

Bảng 2: Đánh giá học phần

Bảng 2.1: Đánh giá chuyên cần

Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia	10%	Thái độ tham dự (2%) Trong đó: - Luôn chú ý và tham gia các hoạt động		2

xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

6. Mức độ đóng góp của các bài giảng để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức độ đóng góp của mỗi bài giảng được mã hóa theo 3 mức, trong đó:

- + Mức 1: Thấp (**Nhớ**: Bao gồm việc người học có thể nhớ lại các điều đặc biệt hoặc tổng quát, trọn vẹn hoặc một phần các quá trình, các dạng thức, cấu trúc... đã được học. Ở cấp độ này người học cần nhớ lại đúng điều được hỏi đến).
- + Mức 2: Trung bình (**Hiểu**: Ở cấp độ nhận thức này, người học cần nắm được ý nghĩa của thông tin, thể hiện qua khả năng diễn giải, suy diễn, liên hệ).
- + Mức 3: Cao (**Vận dụng, phân tích, đánh giá, sáng tạo**: Người học có khả năng chia các nội dung, các thông tin thành những phần nhỏ để có thể chỉ ra các yếu tố, các mối liên hệ, các nguyên tắc cấu trúc của chúng).

Bài giảng	Chuẩn đầu ra của học phần								
	LO 1.1	LO 1.2	LO 1.3	LO 2.1	LO 2.2	LO 2.3	LO 3.1	LO 3.2	LO 3.3
Chương 1	2			2	2	2	2	2	2
Chương 2		2		2	2	2	2	2	2
Chương 3			2	2	2	2	2	2	2

7. Danh mục tài liệu

7.1. Tài liệu học tập chính:

[1]. *Giáo trình Triết học Mác – Lênin* (2021), dùng trong các trường Đại học, cao đẳng, NXB Chính trị Quốc Gia Sự Thật, Hà Nội.

7.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin* (2013), (dùng cho sinh viên Đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Đinh Thị Thanh Hà (2020), *Bài giảng Triết học Mác- Lênin*, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

[4]. Phạm Thanh Hà, Đinh Thị Thanh Hà (2016), *Bài giảng Nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin*, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang..

[5]. Trần Văn Phòng, Nguyễn Thế Kiệt (2005), *Hỏi đáp Triết học Mác – Lênin*, NXB ĐHQGHN.

8. Nhiệm vụ của người học.

8.1. Phần lý thuyết, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Sinh viên phải nghiên cứu giáo trình, chuẩn bị các câu hỏi, đề xuất khi nghe giảng.
- Hoàn thành các nội dung chuẩn bị cho thảo luận nhóm.
- Chuẩn bị thảo luận, dành thời gian cho việc nghiên cứu các tài liệu liên quan đến nội dung bài học và phân thảo luận dưới sự hướng dẫn của giáo viên môn học.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

thảo luận	(2%) - Khá chú ý, có tham gia hoạt động (1,5%) - Có chú ý, ít tham gia (1%) - Không chú ý, không tham gia (0%)		
	Thời gian tham dự (8%) - Nếu vắng 01 tiết trừ 1% - Vắng quá 20 % tổng số tiết của học phần thì không đánh giá		8

Bảng 2.2. Đánh giá bài kiểm tra thường xuyên và bài thi giữa học phần

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi – Xuất sắc (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	Trung bình yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Bài kiểm tra thường xuyên						
Kiến thức của chương 1, 2, 3. Sử dụng kiến thức làm bài kiểm tra.	20%	Hiểu $\geq 85\%$ kiến thức của chương 1,2,3 Sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Hiểu 70%-84% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng sử dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng sử dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 1,2,3 Có khả năng sử dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu <40% kiến thức của chương 1,2,3 Chưa có khả năng sử dụng kiến thức để trả lời câu hỏi
Bài Thi giữa học phần						
Kiến thức của chương 2,3. Sử dụng kiến thức làm bài kiểm tra.	20%	Hiểu $\geq 85\%$ kiến thức của chương 2,3. Sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi.	Hiểu 70%-84% kiến thức của chương 2,3. Có khả năng sử dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 55%- 69% kiến thức của chương 2,3. Có khả năng sử dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu 40% - 50% kiến thức của chương 2,3. Có khả năng sử dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi.	Hiểu <40% kiến thức của chương 2,3. Chưa có khả năng sử dụng kiến thức để trả lời câu hỏi

Bảng 2.3. đánh giá điểm thi (Vấn đáp, tự luận)

Tiêu chí	Trọng số	Giỏi- xuất sắc (8,5-10)	Khá (7,0-8,4)	Trung bình (5,5-6,9)	TB yếu (4,0-5,4)	Kém <4,0
Kiến thức của	50%	Hiểu > 85% kiến	Hiểu 70% -	Hiểu 55% - 69%	Hiểu 40% -50%	Hiểu <40%

chương 1,2,3.		thức của chương 1.2.3 sử dụng kiến thức trả lời câu hỏi	84% kiến thức của chương 1.2.3 Có khả năng sử dụng 80% kiến thức để trả lời câu hỏi	kiến thức của chương 1.2.3 Có khả năng sử dụng 50% kiến thức để trả lời câu hỏi	kiến thức của chương 1.2.3 Có khả năng sử dụng 30% kiến thức để trả lời câu hỏi	kiến thức của chương 1.2.3 Chưa có khả năng sử dụng kiến thức để trả lời câu hỏi
------------------	--	--	--	--	---	---

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận

Trình bày các chương, mục trong chương. Trong từng chương ghi tổng số tiết, số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thảo luận.

Chương 1 : Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.

(Tổng số tiết: 15; Số tiết lý thuyết: 10; Số tiết thảo luận: 5.)

1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học

1.1.1. Khái lược về triết học

- 1.1.1.1. Nguồn gốc của triết học
- 1.1.1.2. Khái niệm triết học
- 1.1.1.3. Đối tượng của triết học trong lịch sử.
- 1.1.1.4. Triết học – hạt nhân lý luận của thế giới quan

1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học

- 1.1.2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học
- 1.1.2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm
- 1.1.2.3. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết Bất khả tri)

1.1.3. Biện chứng và siêu hình

- 1.1.3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử
- 1.1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử

1.2. Triết học Mác –Lênin và vai trò của triết học Mác –Lênin trong đời sống xã hội.

1.2.1 Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin

- 1.2.1.1. Những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác
- 1.2.1.2 Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác
- 1.2.1.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng triết học do C. Mác và Ph.Ăngghen thực hiện
- 1.2.1.4. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác

1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin

- 1.2.2.1. Khái niệm triết học Mác – Lênin
- 1.2.2.2. Đối tượng của triết học Mác – Lênin
- 1.2.2.3. Chức năng của triết học Mác- Lênin

1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

- 1.2.3.1. Triết học Mác – Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn.
- 1.2.3.2. Triết học Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trogn điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.

1.2.3.3. Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bài kiểm tra số 1

Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng

(Tổng số tiết: 23; Số tiết lý thuyết: 18; Số tiết thảo luận: 05.)

2.1. Vật chất và ý thức.

2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất

2.1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C. Mác về phạm trù vật chất

2.1.1.2. Cuộc cách mạng trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất

2.1.1.3. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

2.1.1.4. Các hình thức tồn tại của vật chất

2.1.1.5. Tính thống nhất vật chất của thế giới

2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức

2.1.2.1. Nguồn gốc của ý thức

2.1.2.2. Bản chất của ý thức

2.1.2.3. Kết cấu của ý thức

2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

2.1.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình

2.1.3.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

2.2. Phép biện chứng duy vật.

2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật

2.2.1.1. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan

2.2.1.2. Khái niệm phép biện chứng duy vật

2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật

2.2.2.1. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật

2.2.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

Bài kiểm tra số 2

2.2.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

2.3. Lý luận nhận thức.

2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng

2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức

2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

2.3.4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức

2.3.5. Tính chất của chân lý

Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử

(Tổng số tiết: 15; Số tiết lý thuyết: 10; Số tiết thảo luận: 05)

3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội.

3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội

3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

3.1.2.1. Phương thức sản xuất

3.1.2.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Kiểm tra giữa kỳ (Bài số 3)

3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

3.1.3.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

3.1.3.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội

3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên

3.1.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội

3.1.4.2. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loại người

3.1.4.3. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng

3.2. Giai cấp và dân tộc

3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

3.2.1.1. Giai cấp

3.2.1.2. Đấu tranh giai cấp

3.2.1.3. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản

3.2.2. Dân tộc

3.2.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc

3.2.2.2. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay

3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại

3.2.3.1. Quan hệ giai cấp – dân tộc

3.2.3.2. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại

3.3. Nhà nước và Cách mạng

3.3.1. Nhà nước

3.3.1.1. Nguồn gốc của nhà nước

3.3.1.2. Bản chất của nhà nước

3.3.1.3. Đặc trưng cơ bản của nhà nước

3.3.1.4. Chức năng cơ bản của nhà nước

3.3.1.5. Các kiểu và hình thức nhà nước

3.3.2. Cách mạng xã hội

3.3.2.1. Nguồn gốc của cách mạng xã hội

3.3.2.2. Bản chất của cách mạng xã hội

3.3.2.3. Phương pháp cách mạng

3.3.2.4. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay

3.4. Ý thức xã hội

3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

3.4.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội

3.4.1.2. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội

3.4.2.1. Khái niệm ý thức xã hội

3.4.2.2. Kết cấu của ý thức xã hội

3.4.2.3. Tính giai cấp của ý thức xã hội

3.4.2.4. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

3.4.2.5. Các hình thức ý thức xã hội

3.5. Triết học về con người

3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người

3.5.1.1. Con người là thực thể sinh học – xã hội

3.5.1.2. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người

3.5.1.3. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử

3.5.1.4. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội

3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người

3.5.2.1. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa

3.5.2.2. “Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức”

3.5.2.3. “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”

3.5.3. *Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử*

3.5.3.1. Quan hệ giữa cá nhân xã hội

3.5.3.2. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử

3.5.4. *Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam*

Bài kiểm tra số 4

12. Thời gian phê duyệt đề cương học phần: Ngày 10 tháng 7 năm 2024

GIẢNG VIÊN
PHỤ TRÁCH HỌC PHẦN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Th.s Đinh Thị Thanh Hà

TRƯỞNG BỘ MÔN

Th.s Nguyễn Thị Dung

P. TRƯỞNG KHOA
PHỤ TRÁCH KHOA

Th.s Phạm Thị Hằng

PHỤ LỤC 1

MÃ HÓA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN, ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CỦA CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CTĐT

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Mức độ theo thang Bloom	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT
1	Chuẩn về kiến thức		
	LO1.1: Khái quát được một cách hệ thống những tri thức cơ bản, cốt lõi và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.	2	CĐR1
	LO1.2: Làm rõ được vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, giải thích được các sự vật hiện tượng diễn ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy con người luôn tuân theo những quy luật nhất định.	2	CĐR1
	LO1.3: Làm rõ được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	2	CĐR1
2	Chuẩn về kỹ năng		
	LO2.1: Xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn học khác. Giải thích, làm rõ các vấn đề trong thực tiễn trên lập trường duy vật.	2	CĐR 12(CNTP,ĐBCLTP,CNO),13(TY,NN TQ,QLTNR),14(CHANNUOI, KETOAN, KINHTE,QTĐV&LH, TMĐT,NNTQ,QLĐĐ,QLTN,KHCT, BVTV,
	LO2.2: Khái quát hóa các kiến thức lý luận của môn học để hình thành phương pháp luận cho nhận thức vào hoạt động thực tiễn, xem xét, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách khách quan, toàn diện, tích cực	2	CĐR 12(CNTP,ĐBCLTP,CNO),13(TY,NN TQ,QLTNR),14(CHANNUOI, KETOAN, KINHTE,QTĐV&LH, TMĐT,NNTQ,QLĐĐ,QLTN,KHCT, BVTV)
	LO2.3: Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, chủ động giải quyết các vấn đề trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ.	2	CĐR 12(CNTP,ĐBCLTP,CNO),13(TY,NN TQ,QLTNR),14(CHANNUOI, KETOAN, KINHTE,QTĐV&LH, TMĐT,NNTQ,QLĐĐ,QLTN,KHCT, BVTV)
	Năng lực tự chủ & trách nhiệm nghề nghiệp		

3	LO3.1: Có ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, với người khác, với xã hội và đối với công việc.	2	CĐR 14(CNTP,CNO,ĐBCLTP,NNTQ, TY),15(CN,KT,KHCT,TY,QLDD, QLTN,QLTNR,BVTV),16(KẾ TOÁN,TMĐT,QTĐVDL&LH,KHCT,NNTQ,BVTV)
	LO3.2: Có thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phương pháp khoa học, có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, trung thực và linh hoạt trong công việc	2	CĐR 14(CNTP,CNO,ĐBCLTP,NNTQ, TY),15(CN,KT,KHCT,TY,QLDD, QLTN,QLTNR,BVTV),16(KẾ TOÁN,TMĐT,QTĐVDL&LH,KHCT,NNTQ,BVTV)
	LO3.3: Nâng cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ, tự học hỏi trong công việc.	2	CĐR 14(CNTP,CNO,ĐBCLTP,NNTQ, TY),15(CN,KT,KHCT,TY,QLDD, QLTN,QLTNR,BVTV),16(KẾ TOÁN,TMĐT,QTĐVDL&LH,KHCT,NNTQ,BVTV)

PHỤ LỤC 2

MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN

1. Mục tiêu học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)
G1	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về Triết học Mác – Lênin. Xây dựng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận nội dung các môn học chuyên ngành	CĐR1
G2	Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn học chuyên ngành, nắm vững, vận dụng các nguyên lý, quy luật triết học trong việc đề ra chủ trương đường lối, nguyên tắc phương pháp luận của triết học để nhận thức, xem xét, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách khách quan, toàn diện, tích cực. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm. Có kiến thức để giải quyết những vấn đề khoa học, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... theo quan điểm của CN Mác – Lênin.	CĐR 12(CNTP,CNO,ĐBCLTP), 13(TY,NNTQ,QLTNR), 14(CN, KẾ TOÁN, KINH TẾ, QTDVDL&LH, TMĐT,NNTQ,QLDD,QLTN, KHCT,BVTV
G3	Có ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, với người khác, với xã hội và đối với công việc. Có thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phương pháp khoa học, có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, trung thực và linh hoạt trong công việc. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ, tự học hỏi trong công việc.	CĐR 14(CNTP,CNO,ĐBCLTP,NNTQ,TY), 15(CN,KT,KHCT,TY, QLDD,QLTN, QLTNR,BVTV),16(KẾ TOÁN,QTDVDL&LH, TMĐT, KHCT,NNTQ,BVTV)

2. Chuẩn đầu ra học phần

Mã CĐR	Mô tả CĐR học phần <i>Sau khi học xong môn học này, người học có thể:</i>	Liên kết với CĐR của CTĐT
LO.1	Về kiến thức	
LO.1.1	Khái quát một cách hệ thống những tri thức cơ bản, cốt lõi và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội.	CĐR1
LO.1.2	Làm rõ được vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, giải thích được các sự vật hiện tượng diễn ra trong tự nhiên, xã	CĐR1

LO.1.3.	Làm rõ được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa duy vật lịch sử.	CĐR1
LO.2	Về kỹ năng	
LO.2.1	Xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các môn học khác. Giải thích, làm rõ các vấn đề trong thực tiễn trên lập trường duy vật.	CĐR 12(CNTP,CNO,ĐBCLTP), 13(TY,NNTQ,QLTNR), 14(CN, KẾ TOÁN, KINH TẾ, QTDVDL&LH, TMĐT, NNTQ, QLDD, QLTN, KHCT, BVTV)
LO.2.2	Khái quát hóa các kiến thức lý luận của môn học để hình thành phương pháp luận cho nhận thức vào hoạt động thực tiễn, xem xét, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách khách quan, toàn diện, tích cực.	CĐR 12(CNTP,CNO,ĐBCLTP), 13(TY,NNTQ,QLTNR), 14(CN, KẾ TOÁN, KINH TẾ, QTDVDL&LH, TMĐT, NNTQ, QLDD, QLTN, KHCT, BVTV)
LO.2.3.	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, chủ động giải quyết các vấn đề trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ	CĐR 12(CNTP,CNO,ĐBCLTP), 13(TY,NNTQ,QLTNR), 14(CN, KẾ TOÁN, KINH TẾ, QTDVDL&LH, TMĐT, NNTQ, QLDD, QLTN, KHCT, BVTV)
LO.3.	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
LO.3.1	Có ý thức, trách nhiệm đối với bản thân, với người khác, với xã hội và đối với công việc.	CĐR14(CNTP,CNO,ĐBCLTP,NNTQ,TY), 15(CN,KT,KHCT,TY,QLDD,QLTN,QLTNR,BVTV), 16(KẾ TOÁN, QTDVDL&LH, TMĐT, KHCT, NNTQ, BVTV)
LO.3.2	Có thái độ, tác phong làm việc chuyên nghiệp, phương pháp khoa học, có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, trung thực và linh hoạt trong công việc	CĐR 14(CNTP,ĐBCLTP,NNTQ,TY), 15(CN,KT,KHCT,TY,QLDD, QLTN,QLTNR,BVTV), 16(KẾ TOÁN, QTDVDL&LH, KHCT, NNTQ, BVTV)
LO.3.3	Nâng cao tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ, tự học hỏi trong công việc.	CĐR 14(CNTP,ĐBCLTP,NNTQ,TY), 15(CN,KT,KHCT,TY,QLDD, QLTN,QLTNR,BVTV), 16(KẾ TOÁN, QTDVDL&LH, KHCT, NNTQ, BVTV)

PHỤ LỤC 3
NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Tuần thứ	Nội dung	Hoạt động dạy và học	Số tiết LT/ TL	Tài liệu học tập, tham khảo	CDR học phần
1	Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội.		10/5		
	1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học	<u>Giảng viên:</u> - Giới thiệu học phần, đề cương chi tiết, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, quy định thi, kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn kế hoạch học tập; xây dựng các nhóm học tập. - Thuyết trình và giải thích nội dung của chương - GV nêu vấn đề - Khái lược về triết học và nêu vấn đề cơ bản của triết học - Phát vấn(GV nêu vấn đề, SV giải quyết) - Trả lời các câu hỏi của SV - Đưa chủ đề thảo luận và giao nhiệm vụ thảo luận. - GV Nhận xét và kết luận. <u>Sinh viên:</u> - Học ở lớp: + Nghe giảng lý thuyết, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia thảo luận - Học ở nhà: + Nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet	2/1	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.1 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3
	1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học	<u>Giảng viên:</u> - Thuyết trình và lấy ví dụ làm rõ vấn đề cơ bản của triết học - Giải thích vì sao lại coi đó là vấn	2/1	[1] [2] [3] [4] [5]	LO1.1 LO2.1 LO2.2

		<p>đề cơ bản của triết học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo. + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia Thảo luận - Học ở nhà: + Đọc và nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 		[6]	<p>LO2.3</p> <p>LO3.1</p> <p>LO3.2</p> <p>LO3.3</p>
2	<p>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p>1.2. Triết học Mác –Lênin và vai trò của triết học mác Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin</p>	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình và lấy ví dụ làm rõ phương pháp biện chứng và phương pháp và siêu hình + Lấy ví dụ trong thực tiễn để phân biệt giữa biện chứng và siêu hình. - Giải thích sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo. + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia Thảo luận - Học ở nhà: + Đọc và nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 	2/1	<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p> <p>[6]</p>	<p>LO1.1</p> <p>LO2.1</p> <p>LO2.2</p> <p>LO2.3</p> <p>LO3.1</p> <p>LO3.2</p> <p>LO3.3</p>
3	<p>1.2. 2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</p>	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu. - Làm rõ vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện 	2/1	<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p> <p>[6]</p>	<p>LO1.1</p> <p>LO2.1</p> <p>LO2.2</p> <p>LO2.3</p> <p>LO3.1</p>

		<p>nay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi thảo luận, giao nhiệm vụ thảo luận. - Nhận xét câu trả lời của SV <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo. + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia Thảo luận - Học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc và nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 			<p>LO3.2</p> <p>LO3.3</p>
4	1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay - Đặt câu hỏi thảo luận, giao nhiệm vụ thảo luận. - Nhận xét câu trả lời của SV <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo. + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia Thảo luận - Học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc và nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 	2/0	<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p> <p>[6]</p>	<p>LO1.1</p> <p>LO2.1</p> <p>LO2.2</p> <p>LO2.3</p> <p>LO3.1</p> <p>LO3.2</p> <p>LO3.3</p>
	BÀI KIỂM TRA SỐ 1	<p>Giảng viên: Đưa ra câu hỏi</p> <p>Sinh viên: Nghiêm túc làm bài</p>	0/1		
5	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng		18/5		
	2.1. Vật chất và ý thức	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình và giải thích nội dung của chương 	2/1	<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p>	<p>LO1.2</p> <p>LO2.1</p> <p>LO2.2</p>
	2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất				
	2.1.2. Nguồn gốc, bản chất				

	và kết cấu	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích định nghĩa Vật chất của Lênin và làm rõ các hình thức tồn tại của Vật chất. - Làm rõ nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức. - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV - Nêu các vấn đề cần thảo luận và hướng dẫn thảo luận => Tổng kết nội dung thảo luận <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng, ghi chép bài + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Trao đổi và tham gia thảo luận - Học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> + Đọc và nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 		[6]	LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3
6	2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức của ý thức.	<p><u>Giảng viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. - Phát vấn - Làm rõ nội dung qua các ví dụ minh họa. - Trả lời các câu hỏi của SV - Đặt câu hỏi thảo luận và giao nhiệm vụ thảo luận nhóm. - Nêu các vấn đề cần thảo luận và hướng dẫn thảo luận => Tổng kết nội dung thảo luận <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của 	2/1	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.2 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3

		GV + Lấy ví dụ thực tiễn + Trao đổi và tham gia thảo luận			
7	<p>2.2. Phép biện chứng duy vật.</p> <p>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của PBCDV</p> <p>* Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến</p> <p>* Nguyên lý về sự phát triển</p>	<p><u>Giảng viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình và giải thích nội dung phép biện chứng duy vật - Phát vấn - Làm rõ nội dung qua các ví dụ minh họa. - Trả lời các câu hỏi của SV - Đặt câu hỏi thảo luận và giao nhiệm vụ thảo luận nhóm. - Nêu các vấn đề cần thảo luận và hướng dẫn thảo luận => Tổng kết nội dung thảo luận <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Lấy ví dụ thực tiễn + Trao đổi và tham gia thảo luận 	3/0	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.2 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3
8	<p>2.2.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>* Cái riêng- cái chung- CDN</p> <p>* Nguyên nhân- Kết quả</p> <p>* Tất nhiên- Ngẫu nhiên</p>	<p><u>Giảng viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình và giải thích nội dung phép biện chứng duy vật - Phát vấn - Làm rõ nội dung qua các ví dụ minh họa. - Trả lời các câu hỏi của SV - Đặt câu hỏi thảo luận và giao nhiệm vụ thảo luận nhóm. - Nêu các vấn đề cần thảo luận và hướng dẫn thảo luận => Tổng kết nội dung thảo luận 	2/1	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.2 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3

		<p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Lấy ví dụ thực tiễn + Trao đổi và tham gia thảo luận 			
	<ul style="list-style-type: none"> * Nội dung- hình thức * Bản chất- Hiện tượng * Khả năng- hiện thực 	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình và giải thích nội dung phép biện chứng duy vật - Phát vấn - Làm rõ nội dung qua các ví dụ minh họa. - Trả lời các câu hỏi của SV - Nêu các vấn đề cần thảo luận và hướng dẫn thảo luận => Tổng kết nội dung thảo luận <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Lấy ví dụ thực tiễn + Trao đổi và tham gia thảo luận 	2/0	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.2 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3
	BÀI KIỂM TRA SỐ 2	<p>Giảng viên: Đưa ra câu hỏi</p> <p>Sinh viên: Nghiêm túc làm bài</p>	0/1		
9	<p>2.2.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <ul style="list-style-type: none"> * Quy luật những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại. * Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập 	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình và giải thích nội dung bài - Phân tích các khái niệm và lấy ví dụ - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV - Đặt câu hỏi thảo luận và hướng dẫn SV thảo luận. 	3/0	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.2 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết nội dung thảo luận. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: + Nghe giảng, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Trao đổi và tham gia thảo luận - Học ở nhà: + Nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 			
10	<p>* Quy luật phủ định của phủ định</p> <p>2.3. Lý luận nhận thức</p> <p>2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p>	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình và giải thích nội dung bài - Phân tích các khái niệm và lấy ví dụ - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV - Đặt câu hỏi thảo luận và hướng dẫn SV thảo luận. - Tổng kết nội dung thảo luận. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: + Nghe giảng, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Trao đổi và tham gia thảo luận - Học ở nhà: + Nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 	2/0	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.2 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2
	<p>2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>2.3.4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức</p> <p>2.3.5. Tính chất của chân lý</p>		2/1		LO3.3
11	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p>		10/5		
	<p>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế xã hội.</p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất và vai trò của nó</p> <p>3.1.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p>	<p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình, giới thiệu nội dung của chương - Làm rõ khái niệm và vai trò của SXVC, nội dung quy luật QHSX và LLSX - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV 	2/0	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.3 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3

		<ul style="list-style-type: none"> - Đặt câu hỏi thảo luận, chia nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thảo luận. - Hướng dẫn thảo luận và tổng kết nội dung thảo luận. <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia thảo luận - Học ở nhà: <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet 			
	BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ		0/1		
12	<p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>3.1.4. Sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</p>	<p><u>Giảng viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ khái niệm và mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT - Phân tích sự phát triển của các hình thái KT- XH - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV - Đặt câu hỏi thảo luận, chia nhóm thảo luận và giao nhiệm vụ thảo luận. - Hướng dẫn thảo luận và tổng kết nội dung thảo luận. <p><u>Sinh viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học ở lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Nghe giảng, ghi chép bài, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia thảo luận - Học ở nhà: 	2/1	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.3 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3

		+ Nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet			
	3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giữa giai cấp – dân tộc – nhân loại 3.3. Nhà nước và cách mạng 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội	Giảng viên: - Thuyết trình và giải thích nội dung của chương - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV và giao nhiệm vụ thảo luận. - Hướng dẫn thảo luận và tổng kết nội dung thảo luận Sinh viên: - Học trên lớp + Nghe giảng, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia làm việc nhóm + Các nhóm tiến hành thảo luận và trả lời các câu hỏi. - Về nhà + Nghiên cứu TL học tập + Tham khảo các TL trên Internet	2/1	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.3 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3
13	3.5. Triết học về con người 3.5.1. Khái niệm con người cả bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	Giảng viên: - Thuyết trình và giải thích nội dung của chương - Phát vấn - Trả lời các câu hỏi của SV - Đặt câu hỏi thảo luận và giao nhiệm vụ thảo luận. Sinh viên: - Học trên lớp + Nghe giảng, Nghiên cứu TL học tập và tham khảo + Chuẩn bị trả lời các câu hỏi của GV + Tham gia thảo luận - Về nhà + Nghiên cứu TL học tập	2/1	[1] [2] [3] [4] [5] [6]	LO1.3 LO2.1 LO2.2 LO2.3 LO3.1 LO3.2 LO3.3
			2/0		

		+ Tham khảo các TL trên Internet		
	BÀI KIỂM TRA SỐ 3		0/1	
	TỔNG SỐ		38/15	

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

TT	Điểm thành phần (Tỷ lệ %)	Quy định	Chuẩn đầu ra học phần								
			LO.1.1.	LO.1.2	LO.1.3	LO.2.1	LO.2.2	LO.2.3	LO.3.1	LO.3.2	LO.3.3
1	Điểm quá trình (50%)	1. Kiểm tra thường xuyên lần 1 + Hình thức: <i>Tự luận</i> + Thời điểm: <i>Tuần 4</i>	X			X	X	X	X	X	X
		2. Kiểm tra thường xuyên lần 2 + Hình thức: <i>Tự luận</i> + Thời điểm: <i>Tuần 8</i>		X		X	X	X	X	X	X
		3. Kiểm tra giữa kỳ + Hình thức: <i>Tự luận</i> + Thời điểm: <i>Tuần 11</i>	X	X		X	X	X	X	X	X
		4. Kiểm tra thường xuyên lần 3 + Hình thức: <i>Tự luận</i> + Thời điểm: <i>Tuần 13</i>			X	X	X	X	X	X	X
		5. Kiểm tra chuyên cần + Hình thức: <i>Điểm danh theo thời gian tham gia học trên lớp và thái độ học tập trên lớp</i>	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Điểm thi kết thúc học phần (50%)	+ Hình thức: <i>vấn đáp</i> + Thời điểm: <i>Theo lịch thi học kỳ</i> + Tính chất: <i>Bắt buộc</i>	X	X	X	X	X	X	X	X	X

